

Số: 104/BC-THCSTT

Vụ Bản, ngày 15 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 -2026

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Tam Thanh
- Địa chỉ: Thôn Tây Côi Sơn, xã Vụ Bản, Tỉnh Ninh Bình  
Số điện thoại: 0916552216  
Email: thcstamthanh.vuban@gmail.com  
Website: <https://c2tamthanh.ninhbinh.edu.vn>

#### 3. Loại hình: Công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND xã Vụ Bản

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

##### a. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập an toàn, nề nếp, kỷ cương, hiện đại, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

##### b. Tầm nhìn

Trường phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng, là nơi học sinh được phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và kỹ năng sống; từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại. Nhà trường hướng đến xây dựng môi trường học tập thân thiện, sáng tạo, kỷ cương, nhân văn, giúp học sinh hình thành nhân cách tốt và sẵn sàng hội nhập trong thời kì đổi mới và phát triển.

##### c. Giá trị cốt lõi

- |               |                      |
|---------------|----------------------|
| - Đoàn kết    | - Hiện đại           |
| - Hợp tác     | - Chất lượng         |
| - Trách nhiệm | - Uy tín             |
| - Sáng tạo    | - Khát vọng vươn lên |

##### d. Mục tiêu

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, tạo nền tảng ổn định để triển khai các hoạt động giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục, tạo uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và của thời đại, đáp ứng mục tiêu giáo dục con người mới có nhân cách và có năng lực để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Tam Thanh, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình là một trong những ngôi trường có bề dày truyền thống lịch sử và giáo dục lâu đời trên địa bàn huyện.



Nhà trường có tiền thân là Trường Phổ thông cấp II Non Côi – trường cấp II quốc lập đầu tiên của huyện Vụ Bản, được thành lập từ năm 1953, đánh dấu bước phát triển quan trọng của sự nghiệp giáo dục địa phương trong những năm đầu xây dựng đất nước.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử gắn liền với sự thay đổi của đất nước và địa phương, nhà trường không ngừng phát triển và hoàn thiện.

Năm học 1972 – 1973, Trường Phổ thông cấp II Non Côi được đổi tên thành Trường Phổ thông cấp II xã Tam Thanh.

Tháng 9 năm 1978, nhà trường được sáp nhập với Trường Phổ thông cấp I Tam Thanh, mang tên Trường Phổ thông cơ sở xã Tam Thanh.

Năm học 1986 – 1987, do thay đổi đơn vị hành chính, trường được chia tách thành hai đơn vị: Trường Phổ thông cơ sở xã Tam Thanh và Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Gôi.

Đến tháng 8 năm 1990, khi cấp I và cấp II được tách riêng, nhà trường chính thức mang tên Trường Trung học cơ sở xã Tam Thanh, tên gọi được giữ vững trong suốt quá trình xây dựng và phát triển.

Từ ngày thành lập đến nay Nhà trường liên tục là đơn vị Tiên tiến và Tiên tiến xuất sắc của ngành GD-ĐT, chi bộ Đảng là chi bộ trong sạch vững mạnh. Các tổ chức khác trong nhà trường như Đoàn, Đội và Công đoàn đều hoạt động có hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Với những thành tích trên nhà trường đã nhận được nhiều phần thưởng, danh hiệu, giấy khen, bằng khen của sở GD-ĐT, của UBND Tỉnh trong các năm 1997, 2000, 2003, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2020); của Trung ương Đoàn TNCSHCM năm 1996, 2004, 2007, 2009, 2010, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2019); của Công đoàn GD Việt Nam, của LĐLĐ tỉnh năm 2004, 2013, 2020, 2021, của Đoàn TNCS HCM năm 2016, 2017.

Tiêu biểu nhất là:

Năm học 2005-2006 Nhà trường được Bộ trưởng Bộ Giáo dục-Đào tạo tặng bằng khen;

Năm học 2006-2007 nhà trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận là trường THCS đạt chuẩn Quốc gia;

Năm học 2016-2017 Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định tặng bằng công nhận lại trường THCS đạt chuẩn Quốc gia;

Năm học 2020-2021 được UBND Tỉnh tặng Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.

Năm 2022 được UBND tỉnh công nhận Trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Kiểm định chất lượng mức độ 2, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, Thư viện tiên tiến, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quyết định 261/QĐ-UBND của UBND huyện Vụ Bản ngày 01/02/2023.

Năm học 2023-2024 được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, Ngày 18 tháng 12 năm 2025, Trường THCS Tam Thanh và Trường THCS Gôi được sáp nhập, thống nhất mang tên Trường Trung học cơ sở Tam Thanh.

Sau sáp nhập, nhà trường nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các điều kiện dạy học; chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, đảm bảo duy trì nền nếp, chất lượng giáo dục và sự ổn định tâm lý cho học sinh, phụ huynh.

Sau dấu mốc sáp nhập đơn vị hành chính từ ngày 01/01/2026, Trường THCS Tam Thanh bước vào một giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội và kỳ vọng lớn lao. Không chỉ là sự thay đổi về mô hình tổ chức, đây còn là bước chuyển quan trọng để nhà trường tái cơ cấu, phát huy tối đa nội lực, xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, nhân văn và chất lượng cao.

Hiện nay, nhà trường có tổng số 47 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Sau sáp nhập, Ban Giám hiệu đã chủ động rà soát, sắp xếp và phân công nhiệm vụ theo đúng năng lực, sở trường và thể mạnh của từng cán bộ, giáo viên; tạo sự đồng thuận, đoàn kết và phát huy hiệu quả tối đa nguồn nhân lực. Đây được xem là yếu tố then chốt giúp nhà trường giữ vững sự ổn định, nâng cao chất lượng quản lý và từng bước đổi mới toàn diện.

Trong định hướng phát triển mới, Trường THCS Tam Thanh đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và xây dựng trường học hạnh phúc, không có bạo lực học đường. Nhà trường không chỉ dạy chữ mà còn chú trọng “dạy người”, đánh thức khát vọng sống đẹp, lòng nhân ái và tinh thần trách nhiệm trong mỗi học sinh.

Nhiều hoạt động giáo dục giàu ý nghĩa nhân văn đã được tổ chức thường xuyên và tạo sức lan tỏa mạnh mẽ như:

+ Chuyên đề “Đánh thức khát vọng” giúp học sinh nuôi dưỡng ước mơ, ý chí vươn lên.

+ Giáo dục “Giá trị của lòng biết ơn” để các em biết yêu thương cha mẹ, thầy cô và trân trọng cuộc sống.

+ Chương trình “Tết yêu thương” lan tỏa tinh thần sẻ chia tới học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

+ Hoạt động “Ngày của mẹ” đầy xúc động, giúp học sinh biết tri ân và thể hiện tình cảm với gia đình.

+ Dạ tiệc 8/3 đặc biệt, lần đầu tiên nhà trường mời toàn thể dâu – rể của cán bộ, giáo viên về tham dự, tạo không khí gắn kết, yêu thương và xây dựng văn hóa tập thể đầy nhân văn.

Chính từ những hoạt động ấy, môi trường giáo dục của nhà trường ngày càng trở nên thân thiện, tích cực, hạnh phúc; tình trạng bạo lực học đường được hạn chế rõ rệt; học sinh mạnh dạn hơn, biết chia sẻ, đoàn kết và sống trách nhiệm hơn.

Song song với giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn của nhà trường tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực:

\* Kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh có 9 học sinh tham gia dự thi, đạt:



+ 5 giải Ba

+ 1 giải Khuyến khích

\* Cuộc thi STEM cấp tỉnh có 2 học sinh tham gia và cả 2 em đều đạt giải Xuất sắc.

\* Hội thi Thể dục thể thao cấp tỉnh có 9 học sinh tham gia, đạt 6 giải góp phần chính cho cờ nhì của xã Vụ Bản :

+ Huy chương Vàng

+ Huy chương Bạc

+ Huy chương Đồng

+ 3 Giải Khuyến khích

Đây là những kết quả đáng tự hào, khẳng định sự nỗ lực của tập thể cán bộ giáo viên và tinh thần vượt khó, khát vọng vươn lên của học sinh Trường THCS Tam Thanh trong giai đoạn đổi mới.

Bên cạnh đó, các hoạt động chuyên môn, nền nếp dạy học, công tác chuyển đổi số, hoạt động Đội, văn nghệ, thể thao, trải nghiệm sáng tạo... đều đã đi vào chiều sâu, ổn định và phát triển tốt, tạo nên diện mạo mới cho nhà trường sau sáp nhập.

Đặc biệt, công tác an sinh xã hội luôn được nhà trường xác định là nhiệm vụ mang tính nhân văn sâu sắc. Với tinh thần “Không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau”, trong thời gian qua nhà trường đã hỗ trợ 343 lượt học sinh với nhiều hình thức thiết thực như:

+ Đồng phục

+ Sách giáo khoa

+ Vở viết

+ Bảo hiểm y tế

+ Xe đạp

+ Cặp sách

+ Hỗ trợ kỹ năng sống trong và ngoài nhà trường

+ Hỗ trợ tiền mặt cho học sinh khó khăn

Những món quà tuy không quá lớn về vật chất nhưng chứa đựng tình yêu thương, trách nhiệm và sự sẻ chia của tập thể nhà trường, các mạnh thường quân và cộng đồng xã hội dành cho học sinh.

Sau sáp nhập, Trường THCS Tam Thanh đang từng ngày khẳng định vị thế bằng tinh thần đoàn kết, đổi mới và khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Nhà trường không chỉ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục mà còn xây dựng một môi trường học tập nhân văn, hiện đại, nơi mỗi học sinh đều được yêu thương, phát triển năng lực và nuôi dưỡng những ước mơ đẹp cho tương lai.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Bùi Thị Nga

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0916552216

Địa chỉ thư điện tử: buithinga22974@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

Ban giám hiệu:

Hiệu trưởng:

Họ và tên: Bùi Thị Nga

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0916552216

Địa chỉ thư điện tử: buithinga22974@gmail.com

Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Trần Thị Hồng Hà

Chức vụ: Hiệu phó

Số điện thoại: 0835898069

Địa chỉ thư điện tử: [tranhonghvb@gmail.com](mailto:tranhonghvb@gmail.com)

Phó Hiệu trưởng

Họ và tên: Nguyễn Hữu Dụng

Chức vụ: Hiệu phó

Số điện thoại: 0987765651

Địa chỉ thư điện tử: [nguyenhuudungdtvb@gmail.com](mailto:nguyenhuudungdtvb@gmail.com)

Phó Hiệu trưởng

Họ và tên: Vũ Thị Vân

Chức vụ: Hiệu phó

Số điện thoại: 0832821388

Địa chỉ thư điện tử: [van15011977@gmail.com](mailto:van15011977@gmail.com)

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND xã Vụ Bản giao năm học 2025-2026

Số biên chế được giao năm học 2025-2026: 49

Số biên chế hiện tại: 46

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	03	02	0	0	03	0	
Giáo viên	35	31	0	02	31	02	
Nhân viên	07	06	0	0	07	0	
Cộng	46	40	0	02	41	03	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường trung học cơ sở thị trấn Gôi năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dư ớ i TC	Hạ n g I	Hạ n g II	Hạ n g III	Hạ n g IV	Tốt	Khá	Đạt	Chư a đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên Trong</b>	46	0	3	37	5	1	0	1	17	23	5	45	01	0	0
<b>I</b>	<b>đó số giáo viên dạy môn:</b>	35	0	2	31	2	0	0		14	21	0	35	01	0	0
1	Toán	6		1	5					2	4	0	6	0	0	0
2	KHTN	7		1	6					3	4	0	7	0	0	0
3	Công nghệ	2			2					2	0	0	2	0	0	0
4	Tin học	2			2					1	1	0	2	0	0	0
5	Ngữ văn	9			8	1				3	6	0	8	1	0	0
6	Tiếng Anh	3			3					1	2	0	3	0	0	0
7	GDCD	0								0	0	0	0	0	0	0
8	Địa lý	0								0	0	0	0	0	0	0
9	GDTC	2			2					1	1	0	2	0	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	2			1	1				0	2	0	2	0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	2			2					1	1	0	2	0	0	0
12	HĐTN-HN	0								0	0	0	0	0	0	0
13	GDDP	0								0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	4	0	1	3	0	0	0		3	0	0	4	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	3	0	0	3	0	0	0		3	0	0	3	0	0	0
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	9	0	0	3	3	1	2		0	2	5				

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân</b>	46	0	3	37	5	1	0	1	17	23	5	45	01	0	0
1	NV văn thư	0	0	0	0	0	0	0								
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0			1					
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0								
4	Nhân viên y tế	2	0	0	0	1	1	0				2				
5	NV thư viện	2	0	0	2	0	0	0			1	1				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2	0	0	0	2	0	0				2				
7	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0								
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0								
9	Bảo vệ (NĐ 111)	2	0	0	0	0	0	2								

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tam Thanh năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	21	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	21	1,40
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-

7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45,095	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	17.684	18,6
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	3.967	3,9
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1,320	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1323	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	384	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	90	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>Số bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0 bộ	
1.1	Khối lớp 6	0 bộ	0
1.2	Khối lớp 7	0 bộ	0
1.3	Khối lớp 8	0 bộ	0
1.4	Khối lớp 9	0 bộ	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	25 BỘ	
2.1	Khối lớp 6	6	
2.2	Khối lớp 7	6	
2.3	Khối lớp 8	7	
2.4	Khối lớp 9	6	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	63	<b>Số học sinh/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Cát xét	0	0

2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	1,00
3	Thiết bị khác	0	-
4	Loa vi tính	21	1,00
5	Web cam	16	0,76

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Cát xét	0	0
2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	1,00
3	Thiết bị khác	0	-
4	Loa vi tính	21	1,00
5	Web cam	8	0,89

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,09
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	



<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
<b>XVII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

##### 1. Kết quả đánh giá

##### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x

Tiêu chí 3.6		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Không đạt mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2 /không đạt mức 3; 4

**V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học**

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

1.2. Kế hoạch giáo dục

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

**2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước**

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho

B.  
RUC  
IG HO  
M TI  
★

học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Bảo đảm huy động học sinh tốt nghiệp tiểu học trên địa bàn xã đủ điều kiện theo quy định của xã Vụ Bản được tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2026-2027.

Thực hiện nghiêm túc quy định về: Thời gian tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, độ tuổi và sĩ số học sinh trên một lớp.

Đảm bảo công khai về tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh của trường, đặc biệt là hình thức tuyển sinh trực tuyến.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh không được lưu ban quá 03 lần trong một cấp học.

- Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học.

\* Chỉ tiêu tuyển sinh: 06 lớp, 270 học sinh

\* **Đối tượng tuyển sinh:**

Tuyển sinh vào lớp 6 đối với học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, học viên hoàn thành chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2, trong độ tuổi vào học lớp 6 theo quy định, có hồ sơ hợp lệ (Đơn dự tuyển, Bản sao giấy khai sinh hợp lệ; Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ, Chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học hoặc giấy tờ tương đương; Chứng nhận đạt giải tại các kỳ thi, hội thi (nếu có)).

\* **Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển

\* **Hồ sơ tuyển sinh gồm:**

- Đơn xin dự tuyển vào trường (theo mẫu tại trường);
- Bản chính học bạ cấp tiểu học
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học.
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

**\* Lịch tuyển sinh:**

1. Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 02/7/2026.
  - Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ.
  - Buổi chiều: từ 14 giờ đến 17 giờ.
2. Địa điểm tuyển sinh: Văn phòng Trường THCS Tam Thanh.
  - Nộp hồ sơ tuyển sinh Từ 7 giờ 30 phút ngày 01/7/2026 đến ngày 02/7/2026.
  - Ngày 15/7/2026 nhà trường công bố kết quả tuyển sinh.
  - Đúng 7 giờ 30 phút ngày 03/8/2026 học sinh lớp 6 tập trung tại trường THCS để nhận lớp và Kế hoạch hè 2026.

**2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2025-2026****2.1. Công tác phát triển và PCGD**

- Sĩ số đầu năm: Số lớp: 12; Số học sinh: 543 ( đối với điểm A) ; Điểm B : Số lớp 09, Số học sinh 405; Cuối năm: Số lớp: 21; Số học sinh: 947.

*Đánh giá chung:* Năm học 2025-2026 sĩ số học sinh được duy trì và ổn định trong mức độ cho phép của phổ cập giáo dục.

+ Tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi đạt : 99.5%;

+ Huy động trẻ vào lớp 6: hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% (cả HS ở trường Trần Huy Liệu);

+ Học sinh học 8 buổi/ tuần: 100% ;

+ Học sinh lên lớp:  $947/947 = 100\%$

+ Học sinh tốt nghiệp THCS và được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp là:  $189/189 \text{ em} = 100\%$ .

\* Phổ cập giáo dục đạt mức độ 3, Xếp loại: Tốt

**2.2. Về chất lượng các mặt giáo dục:**

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Kết quả tuyển sinh	- 242 học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học. - Trong độ tuổi quy định - Có hồ sơ hợp lệ trên địa bàn thị trấn Gôi			

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
II	Tổng số học sinh theo từng khối lớp	242 học sinh	222 học sinh	294 học sinh	189 học sinh
III	Số học sinh bình quân trên lớp	48,4 học sinh/lớp	44,4 học sinh/ /lớp	42,1 học sinh/lớp	47,25 học sinh/ /lớp
IV	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	48,4 học sinh/lớp	44,4 học sinh/ /lớp	42,1 học sinh/lớp	47,25 học sinh/ /lớp
V	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	HS nam: 134 HS (55,37%) HS nữ: 108 HS (44,63%)	HS nam: 117 HS (52,7%) HS nữ: 105 HS (47,3%)	HS nam: 158 HS (53,74%) HS nữ: 136 HS (46,26%)	HS nam: 98 HS (53,54%) HS nữ: 91 HS (46,46%)
VI	Học sinh là người dân tộc thiểu số	0	0	0	0
VII	Học sinh khuyết tật	0	08	0	0
VIII	Số lượng học sinh chuyển trường	0	0	0	0
IX	Tiếp nhận học sinh học tại trường	0	0	0	01
X	Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo về rèn luyện	242 học sinh	222 học sinh	294 học sinh	189 học sinh
1	Tốt (Số lượng/phần trăm)	227 HS (92,8%)	206 HS (92,79%)	260 HS (88,44%)	179 HS (94,71%)

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
2	Khá (Số lượng/phần trăm)	15 HS (6,2%)	16 HS (7,21%)	31 HS (10,54%)	10 HS (5,29%)
3	Đạt (Số lượng/phần trăm)	0 HS (0%)	0 HS (0%)	3 HS (1,02%)	0 HS (0%)
4	Chưa đạt (Số lượng/phần trăm)	0 HS (0%)	0 HS (0%)	0 HS (0%)	0 HS (0%)
XI	Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo về học tập	242 học sinh	222 học sinh	294 học sinh	189 học sinh
1	Tốt (Số lượng /phần trăm)	83 HS (34,3%)	70 HS (31,53%)	99 HS (33,67%)	69 HS (36,51%)
2	Khá (Số lượng /phần trăm)	101 HS (44,74%)	97 HS (43,69%)	110 HS (37,41%)	82 HS (43,39%)
3	Đạt (Số lượng /phần trăm)	58 HS (23,97%)	55 HS (24,77%)	82 HS (27,89%)	38 HS (20,11%)
4	Chưa đạt (Số lượng /phần trăm)	0 HS (0%)	0 HS (0%)	3 HS (1,02%)	0 HS (0%)
XII	Số lượng học sinh được lên lớp /tốt nghiệp	242 học sinh	222 học sinh	294 học sinh	189 học sinh
XIII	Số lượng học sinh không được lên lớp/tốt nghiệp	0 học sinh	0 học sinh	0 học sinh	0 học sinh

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
XIV	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	242 học sinh	222 học sinh	294 học sinh	189 học sinh
XV	Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	0 học sinh	0 học sinh	0 học sinh	0 học sinh
XV	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0 học sinh	0 học sinh	0 học sinh	29 học sinh

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### THU - CHI CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP NĂM HỌC 2024-2025

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Mức thu	Năm học			
			Dư đầu kỳ	Thu	Chi	Dư cuối kỳ
1	Bảo hiểm y tế	885.000đ/năm	0	432.569.400	432.569.400	0
2	Tiền học thêm	4.000đ/ tiết	692.400	294.864.000	295.556.400	0
3	Tiền xe	10.000đ/ tháng	747.000	20.140.000	20.887.000	0
4	Tiền nước uống	10.000đ / tháng	0	46.120.000	46.120.000	0
5	Tiền học phí	70.000 đ/ tháng	0	319.410.000	168.690.569	150.719.431
6	Tiền điện điều hòa	13.000đ/tháng	12.248.500	59.904.000	50.871.300	21.281.200
7	Số liên lạc điện tử	70.000đ/ năm học	0	42.485.000	42.485.000	0
8	Xã hội hóa		0	44.100.000	44.100.000	0
<b>Tổng</b>			<b>13.687.900</b>	<b>1.259.592.400</b>	<b>1.101.279.669</b>	<b>172.000.631</b>

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

Đường link dẫn đến báo cáo tổng kết:

<https://drive.google.com/file/d/1AkNsTobfpaB244kxk0rrzsWE3c8gVfRs/view?usp=sharing>.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



TRƯỜNG  
TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TAM THANH